

Bản án số: 26/2022/HS-PT

Ngày: 22 – 4 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Vũ Tiến.

Ông Trần Ngọc Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Ngưỡng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLPT-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc M1, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2021/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 11/7/2001, tại tỉnh B; nơi đăng ký thường trú: Thôn YT, xã H, huyện H, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số 248 đường Đông D, tổ dân phố Khánh M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1976 và bà Hồ Thị L2, sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Phạm Minh T3 là chủ cơ sở sản xuất, mua bán đồ khâm liệm nên có thuê nhà kho chứa hàng tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T3 thuê Lê Văn B1 làm công đóng gói và thuê Nguyễn Ngọc M1 lái xe giao hàng.

Quá trình giao hàng, M1 có quen biết những người mua hàng và thấy kho hàng của anh T3 không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy hàng đem bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. M1 rủ B1 tham gia thì B1 đồng ý. Cả hai thống nhất vào đêm tối sẽ đến kho hàng để lấy tài sản.

Lần thứ 1: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 12-5-2021, B1 điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 73D1-200.57 của anh T3 giao cho B1 sử dụng trước đó chở M1 đến kho hàng của anh T3. Khi đến, B1 dừng xe bên phải đường, cách kho hàng khoảng 100 m rồi cả hai đi bộ đến kho hàng. Do nhiều lần bốc hàng, M1 và B1 biết cửa sổ của kho hàng bằng gỗ đã cũ, mục nát nên cả hai đến vị trí của sổ, dùng tay kéo mạnh thì cửa bung ra. M1 leo qua cửa sổ vào bên trong, B1 đứng bên ngoài. M1 lấy 03 (ba) bao hoa lài khô, loại mỗi bao 10 kg lần lượt đưa qua cửa sổ cho B1 rồi leo cửa sổ ra ngoài, khép cửa lại như cũ. Cả hai kéo từng bao hoa lài đến giấu phía bên phải đường. B1 lấy xe máy đến nhưng xe hết xăng nên M1 gọi điện thoại cho Phạm Công L1 nhờ mua xăng đưa vào giúp thì L1 đồng ý. Sau khi mua được xăng, L1 một mình đi bộ và xin đi nhờ xe của người qua đường mang vào cho M1. Khi gặp, M1 nói cho L1 biết M1 và B1 lấy trộm tài sản tại kho hàng của anh T3 nhưng L1 vẫn đưa xăng cho M1. Đổ xăng xong, M1 điều khiển xe mô tô 73D1-200.57 chở 03 bao hoa lài đem bán cho ông Ngô Đức T4, là chủ trại hòm tại xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi bán, M1 nói với ông T4 là: “*Bữa nay em làm riêng, em bỏ hàng rẻ hơn anh T3 một hai giá có chi anh mua cho em*”. Ông T4 đồng ý mua với giá mỗi bao 350.000 đồng, tổng cộng được 1.050.000 đồng. Nhận tiền xong, M1 điều khiển xe quay lại thị trấn Đ. Sáng hôm sau, M1 gặp và đưa cho B1 200.000 đồng, đưa cho L1 150.000 đồng, còn giữ lại 700.000 đồng; M1 không nói và B1, L1 cũng không hỏi bán ở đâu và được bao nhiêu tiền. Số tiền có được, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản chiếm đoạt lần này trị giá 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ 2: Tương tự như lần thứ 1, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 14-5-2021, M1 và B1 tiếp tục đi xe mô tô 73D1-200.57 đến kho hàng của anh T3, leo vào bằng lối cũ lấy 04 (bốn) bao hoa lài khô, loại mỗi bao 10 kg. Lần này, xe vẫn bị hết xăng nên M1 gọi điện thoại nhờ L1 mang xăng vào. Khi L1 đưa xăng vào, M1 lấy xăng đổ vào xe rồi điều khiển xe mô tô 73D1-200.57 chở 04 (bốn) bao hoa lài khô về bán cho ông T4 được 1.400.000 đồng. Sáng hôm sau, M1 đưa cho B1 300.000 đồng, đưa cho L1 250.000 đồng và giữ lại 850.000 đồng. Số tiền có được, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản chiếm đoạt lần này trị giá 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ 3: Ngày 16-5-2021, trong lúc M1 và B1 trao đổi vào buổi tối sẽ tiếp tục lấy trộm tại kho hàng thì L1 biết nên chủ động xin tham gia; M1 và B1 đồng ý. Khoảng hơn 22 giờ 00 phút cùng ngày, M1, B1 và L1 sử dụng xe mô tô 73D1-200.57 đi đến kho hàng, cùng với thủ đoạn tương tự như những lần trước đã lên lút lấy 04 (bốn) bao hoa lài khô, loại mỗi bao 10 kg. Sau khi lấy được tài sản, M1 tiếp tục đem bán cho ông T4 được 1.400.000 đồng. Số tiền trên M1 đưa cho B1 400.000 đồng, đưa cho L1 250.000 đồng, M1 giữ lại 750.000 đồng. Số tiền có được, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản chiếm đoạt lần này trị giá 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ 4: Ngày 18-5-2021, M1, B1 và L1 bàn bạc thống nhất tối này sẽ lấy số lượng nhiều cần có xe ô tô để chở; M1 biết anh Nguyễn Công H2 làm trại hòm ở xã H7, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế có xe ô tô tải chở hàng nên chiều cùng ngày M1 và B1 đi xe mô tô 73D1-200.57 về gặp anh H2 hỏi thuê xe ô tô. Anh H2 đồng ý cho thuê xe B1 kiểm soát 75C-076.34 với giá 500.000 đồng. Thuê được xe, M1 điều khiển xe lên thị trấn Đ. Do còn sớm nên tất cả đợi đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, cả ba đi xe ô tô đến kho hàng của anh T3, bằng thủ đoạn tương tự những lần trước lấy 20 (hai mươi) bao hoa lài, loại mỗi bao 10 kg bỏ lên xe ô tô. M1 điều khiển xe chở B1 và số hàng lấy được về bán cho bà Trần Thị Q1, chủ trại hòm tại thị trấn L, huyện L2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi bán M1 nói với bà Q1: “*Bữa nay em làm riêng, em bỏ hàng rẻ hơn anh T3 một hai giá có chị mua cho em*”. Bà Q1 đồng ý mua với giá mỗi bao 400.000 đồng, được 8.000.000 đồng. Số tiền trên, M1 trả tiền thuê xe 500.000 đồng, chi ăn uống hết 1.000.000 đồng, đưa cho B1 1.500.000 đồng, đưa cho L1 1.000.000 đồng và M1 giữ lại 4.000.000 đồng. Số tiền có được, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản chiếm đoạt lần này trị giá 9.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Khoảng 23 giờ 00 phút vào ngày 20-5-2021 M1, B1 và L1 tiếp tục thuê xe ô tô, biển kiểm soát 75C-076.34 của anh H2 đã đến kho hàng của anh T3 với thủ đoạn tương tự các lần trước lấy được 19 (mười chín) bao hoa lài, loại mỗi bao 10 kg và 01 bộ gỗ dùng làm hòm gồm có 06 (sáu) tấm (01 tấm kích thước 15 × 55 × 200cm, 01 tấm kích thước 07 × 64 × 200cm; 02 tấm kích thước 04 × 54 × 200cm và 02 kích thước 04 × 55 × 65cm). Toàn bộ tài sản trên đem bán cho ông T4 được 12.150.000 đồng (19 bao hoa lài là 6.650.000 đồng và 06 tấm gỗ là 5.500.000 đồng). Số tiền trên, M1 trả tiền thuê xe 500.000 đồng, chi phí dầu và ăn uống hết 1.000.000 đồng, còn lại M1 chia cho B1 3.000.000 đồng, đưa cho L1 2.000.000 đồng, M1 giữ lại 5.650.000 đồng. Số tiền có được, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản chiếm đoạt lần này trị giá 14.750.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 15-6-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 50 bao hoa lài khô cùng loại, mỗi bao trọng lượng 10 kg, trị giá 22.500.000 đồng (mỗi bao trị giá 450.000 đồng); 06 tấm gỗ pho lái trị giá 6.200.000 đồng. Tổng cộng là 28.700.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tạm giữ các vật chứng gồm:

- 15 bao hoa lài khô, loại 10 kg do bà Trần Thị Q1 giao nộp ngày 02-6-2021.
- 26 bao hoa lài khô, loại 10 kg và 02 tấm gỗ làm hòm có đặc điểm giống nhau dày 7cm, rộng 64cm, dài 200cm, loại gỗ pho lái (bột) do ông Ngô Đức T4 giao nộp ngày 02-6-2021.
- 01 chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha, biển kiểm soát 73D1-200.57 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát 73D1-200.57, mang tên Hồ Thị Kim Hồng do Lê Văn B1 giao nộp ngày 18-6-2021.
- 24.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm 12.950.000 đồng

(Mười hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) của Nguyễn Ngọc M1 nộp; 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) của Lê Văn B1 nộp và 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) của ông Phạm Đình Phước là cha đẻ và Phạm Công L1 nộp.

Về xử lý vật chứng: Ngày 07-7-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Phạm Minh T3 41 bao hoa lài khô, loại 10 kg; 02 tấm gỗ làm hòm; 01 xe mô tô, hiệu Yamaha, biển kiểm soát 73D1-200.57 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát 73D1-200.57 mang tên Hồ Thị Kim Hồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Ngọc M1, Lê Văn B1, Phạm Công L1 và ông Phạm Đình Phước là cha đẻ của L1 đã thống nhất thỏa T4 với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Bồi thường cho anh Phạm Minh T3 số tiền 8.600.000 đồng tương ứng trị giá 09 (chín) bao hoa lài, 04 (bốn) tấm gỗ không thu hồi được; anh T3 đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu gì khác.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Q1 6.000.000 đồng là giá trị của 15 bao hoa lài bà Q1 mua, đã bị thu giữ; hoàn trả cho ông Ngô Đức T4 11.100.000 đồng là giá trị 26 bao hoa lài và 02 tấm gỗ ông T4 mua, đã bị thu giữ. Bà Q1 và ông T4 đã nhận đủ số tiền, không có ý kiến, yêu cầu gì.

Ngày 10-7-2021, anh Phạm Minh T3 đã có đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc M1: 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Văn B1 09 tháng tù; bị cáo Phạm Công L1 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/01/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc M1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định và hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M1 01 (một) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc M1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc M1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 12-5-2021 đến ngày 20-5-2021, các bị cáo Nguyễn Ngọc M1, Lê Văn B1, Phạm Công L1 lợi dụng đêm tối và sơ hở trong quản lý tài sản đã 05 lần lén lút chiếm đoạt 50 bao hoa lài khô dùng khâu lệm và 06 tấm gỗ làm quan tài của của anh Phạm Minh T3 đang cất giữ tại nhà kho ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 28.700.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Nguyễn Ngọc M1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Ngọc M1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới làm căn cứ cho việc kháng cáo của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc M1 phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc M1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc M1: 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Ngọc M1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- PV06 CA tỉnh TT Huế;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân